

LÍ THUYẾT PHONG CÁCH HỌC TẬP VÀ KHẢ NĂNG ỨNG DỤNG TRONG DẠY HỌC PHỔ THÔNG

TS. PHẠM QUANG TIẾN - ThS. HỒ THỊ HỒNG VÂN*

Mỗi học sinh (HS) đều có *phong cách học tập* (PCHT) riêng biệt, nổi trội, nhằm tiếp thu kiến thức một cách tốt nhất. PCHT có ảnh hưởng đến hiệu quả học tập và sự thành công của các em. Khi hiểu rõ hơn về PCHT của HS, giáo viên (GV) có thể điều chỉnh phương pháp giảng dạy, tận dụng tốt nhất tình huống đang diễn ra để giúp các em tiếp nhận thông tin, kiến thức mới một cách dễ dàng hơn.

1. Lí thuyết về “phong cách học tập”

Qua nghiên cứu, có thể nhận thấy các nội dung cốt lõi của PCHT gồm: 1) Là những đặc điểm riêng của cá nhân; 2) Bao gồm các đặc điểm về nhận thức, xúc cảm, sinh lí; 3) Chỉ ra cách thức ưu thế của cá nhân tiếp nhận, xử lí và lưu giữ thông tin trong môi trường học tập; 4) Có tính tương đối bền vững. Như vậy, có thể thấy rằng “PCHT là những đặc điểm riêng có tính ưu thế, tương đối bền vững của cá nhân quy định cách tiếp nhận, xử lí, lưu giữ và phản hồi thông tin trong môi trường học tập”.

Theo Coffield (1), hiện nay có 71 mô hình PCHT và chia thành 5 nhóm chính:

1) **PCHT dựa vào yếu tố gen - môi trường** (constitutional based), do Rita Dunn đề xuất. Đặc điểm chung của các lí thuyết theo nhóm này đều cho rằng PCHT là bền vững, rất khó thay đổi trong suốt cuộc đời. PCHT thuộc nhóm này chia thành 4 loại chính dựa vào các giác quan: nhìn; nghe; vận động; xúc giác.

2) **PCHT phản ánh các đặc điểm bên trong của cấu trúc nhận thức** (cognitive structure) do Messick, Ridding và Rayner đề xuất. Các mô hình thuộc nhóm này xem PCHT như là các đặc điểm cấu trúc của hệ thống nhận thức (Messick, 1984) hay là những tác động giữa năng lực nhận thức và các quá trình nhận thức (Ridding và Rayner, 1998). Có một số tác giả gọi PCHT trong nhóm này bằng một khái niệm khác là *phong cách nhận thức* (cognitive styles).

3) **PCHT là tập hợp các “kiểu nhân cách” tương đối bền vững** (stable personality types) với

ba tác giả tiêu biểu là Myers-Briggs, Apter và Jackson. Cách triển khai, đánh giá nhân cách của mỗi tác giả cũng phức tạp và đa dạng.

4) **PCHT là các ưu thế linh hoạt trong học tập** (flexibly stable learning preferences) với biểu hiện không cố định ở một đặc điểm nào đó mà có thể thay đổi do yếu tố xã hội, văn hóa và kinh nghiệm. David Kolb là tác giả tiêu biểu của nhóm lí thuyết theo hướng này. Theo ông, có thể chia cách học của học sinh THPT thành 4 kiểu khác nhau như sau:

a) *Quan sát người khác và có thể nhìn sự vật từ nhiều hướng khác nhau.* Các em thích quan sát nhiều hơn hành động, có xu hướng thu thập thông tin và sử dụng trí tưởng tượng để giải quyết vấn đề; rất giỏi nhìn những tình huống cụ thể dưới một số quan điểm khác nhau; có các mối quan tâm xã hội tổng quát và thích thu thập thông tin; quan tâm đến con người, hay tưởng tượng, giàu cảm xúc, giỏi các môn nghệ thuật; thích làm việc theo nhóm, lắng nghe với thái độ cởi mở và đón nhận phản hồi.

b) *Phát triển các lí thuyết*, thiên về phương pháp chính xác, logic; hiểu rõ thông tin trên phạm vi rộng và sắp xếp chúng dưới một hình thức rõ ràng, hợp lí; ít tập trung vào con người mà quan tâm nhiều đến ý tưởng, các khái niệm trừu tượng; dễ bị lôi cuốn vào những vấn đề mang tính lí luận, logic, hơn là các phương pháp dựa trên giá trị thực tế; hợp với những nghề về thông tin, khoa học, thích đọc, thuyết giảng, khám phá những mô hình phân tích và dành thời gian để suy nghĩ thấu đáo.

c) *Dùng lí thuyết đã được kiểm chứng để giải quyết vấn đề và rút ra kết luận*; có thể giải quyết vấn đề và sẽ sử dụng những gì học được để tìm ra giải pháp cho những vấn đề thực tiễn. Các em thích công việc kĩ thuật, ít quan tâm đến con người và các mối quan hệ giao tiếp; giỏi tìm ra những ứng dụng thực tiễn cho các ý tưởng và lí thuyết; thường dùng các lí thuyết đã được kiểm chứng để giải quyết vấn đề và rút ra kết luận.

* Viện Khoa học giáo dục Việt Nam

d) *Rút ra từ kinh nghiệm mới.* Những học sinh học kiểu này học trên trực giác phán đoán hơn là lí luận logic; hay sử dụng những phân tích của các bạn và thích phương pháp thực tế dựa trên kinh nghiệm; bị lôi cuốn vào những thử thách trải nghiệm mới. Phong cách học này thông dụng và hữu ích khi hành động cũng như đề xuất sáng kiến. Các em thích làm việc trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ, đặt ra mục tiêu và chủ động làm việc để tìm ra nhiều cách đạt tới mục tiêu.

5) PCHT là các chiến lược, cách tiếp cận học tập (learning approach, strategies). Các tác giả thuộc nhóm này đưa ra khái niệm mới “chiến lược học tập” (learning strategies) và “định hướng học tập” (learning approaches), thay cho thuật ngữ “PCHT” như các lí thuyết trên. Nhóm nhấn mạnh đến việc thiết kế chương trình học tập, môi trường học, cách đánh giá, phương pháp giảng dạy phải đa dạng để giúp HS có kĩ năng học tập đáp ứng yêu cầu môn học.

2. Các loại PCHT chính của HS

Theo các nhà tâm lí học, có 4 kiểu PCHT cơ bản của HS tiểu học ở Việt Nam, đó là: 1) *PCHT kiểu nghe*: HS thích nghe hơn là đọc và thích học bài bằng cách đọc to. Các em hoặc thích vừa học, vừa nghe nhạc; hoặc thích học trong không gian thật yên tĩnh; 2) *PCHT kiểu vận động*: HS học bằng cách sờ nắn và thực hành. Trẻ sẽ ít khi chịu ngồi yên để học bài. Học bằng cách viết bài hoặc hoạt động tay chân sẽ giúp trẻ tiếp thu bài nhanh hơn; 3) *PCHT kiểu nhìn*: HS tiếp thu thông tin bằng cách đọc, nhìn hình hoặc xem thực hành. Cách học này giúp các em dễ nắm bắt thông tin bằng cách xem biểu đồ hơn là ngồi yên và nghe giảng; 4) *PCHT kiểu nói và viết*: HS tiếp thu thông tin một cách nhanh chóng thông qua việc đọc to bài học, miệng nói - tay viết; thích học nhóm, ghi chép các nội dung theo dàn ý.

GV có thể tìm hiểu PCHT của HS bằng nhiều cách khác nhau. Khi đã biết được phong cách học nào phù hợp với các em, GV có thể tiến hành soạn giáo án và thiết kế bài dạy cho phù hợp.

3. Thiết kế mẫu bài học có ứng dụng lí thuyết PCHT ở bài 51 “Cơ quan sinh sản của thực vật có hoa” (Khoa học lớp 5)

- *Mục tiêu*: Sau khi học xong bài, HS có thể nhận biết các bộ phận cấu tạo cơ bản của hoa như nhị, nhụy; phân biệt được hoa đực, hoa cái ở một số loài hoa; có ý thức chăm sóc, bảo vệ, không hái hoa, bẻ cành; - *Thời gian*: 1 tiết học (40 phút); - *Địa điểm*: học tập tại công viên gần trường (hoặc trong vườn trường nếu có nhiều loài hoa phục vụ cho bài học); - *Chuẩn bị*: kính lúp cầm tay, sách giáo khoa môn học.

Bài học được tổ chức tại công viên gần trường nhằm mục đích phát huy ưu thế 2 loại PCHT ở HS đó là: 1) *PCHT kiểu nhìn* (hoạt động 1, 2: HS được quan sát vật thật là các loại hoa được trồng tại công viên; hoạt động 3: HS quan sát hình trong SGK, dùng kính lúp quan sát cấu tạo hoa); 2) *PCHT kiểu vận động* (hoạt động 1, 2: HS cần di chuyển để quan sát các loài hoa được trồng ở các khu vực khác nhau trong công viên).

Ngoài ra các hoạt động học tập được thiết kế còn giúp HS phát huy *PCHT kiểu nghe* (hoạt động 1: thi hát về các loài hoa; hoạt động 2: thảo luận nhóm) và *PCHT kiểu đọc, viết* (hoạt động 2: ghi chép kết quả thảo luận nhóm vào phiếu học tập; hình thành ý thức bảo vệ môi trường, không hái hoa, bẻ cành trong công viên; biết lợi ích của hoa mang lại cho con người trong cuộc sống).

Các hoạt động cụ thể:

1) **Khởi động** (10 phút): - *Bước 1: GV tổ chức cho HS quan sát các loài hoa* trong công viên như hoa cúc, hoa đào, hoa hồng, hoa lay ơn, hoa giấy... để thấy được sự đa dạng của các loài hoa. GV nhắc nhở HS không hái hoa, bẻ cành trong công viên; - *Bước 2: Thi hát về các loài hoa*: GV yêu cầu HS tìm và hát các bài hát về hoa hoặc có từ “hoa” (ví dụ: *Mùng 8 tháng 3/ Em ra thăm vườn/ Chọn một bông hoa/ Xinh tươi tặng cô giáo*). Các tổ thi đua lần lượt hát các bài hát. GV khen các tổ tìm và hát được nhiều bài hát.

2) **Tim hiểu cơ quan sinh sản của một số loài hoa** (15 phút). Thông qua thảo luận nhóm, GV giao việc cho HS làm việc theo nhóm (mỗi nhóm 4 HS): quan sát hoa và chỉ vào nhị, nhụy của hoa; chỉ ra hoa nào có cả nhị và nhụy trên cùng một hoa? hoa nào chỉ có nhị hoặc chỉ có nhụy? HS ghi kết quả làm việc nhóm vào bảng sau:

Hoa có cả nhị và nhụy	Hoa chỉ có nhị (hoa đực) hoặc nhụy (hoa cái)
.....
.....

3) **Tim hiểu cấu tạo của nhị và nhụy** (15 phút): - *Bước 1: Quan sát hình trong sách giáo khoa*: GV giao việc cho HS quan sát hình 6 (Khoa học 5, trang 105) rồi chỉ và nói tên từng bộ phận của nhị và nhụy và nói cho các bạn trong nhóm nghe. GV giúp đỡ các nhóm làm việc; - *Bước 2: Làm việc với vật thật*. GV giao việc cho HS: dùng kính lúp để quan sát trên bông hoa thật; quan sát các bộ phận của nhị và nhụy như đã giới thiệu trong hình trong SGK. GV gợi ý: cấu tạo của nhị gồm bao phần (chứa các hạt phấn) và chỉ nhị; còn nhụy gồm đầu nhụy, vòi nhụy, bầu nhụy, noãn.

GV hỏi: “Hoa có vai trò gì đối với thực vật có hoa?”, HS trả lời: hoa là cơ quan sinh sản của thực vật có hoa. GV hỏi tiếp: “Hoa mang lại lợi ích gì cho con người?”, HS trả lời: Hoa dùng để trang trí, làm cảnh, làm đẹp nhà cửa, đường phố, công viên,...

PCHT có ảnh hưởng đến hiệu quả học tập và sự thành công của mỗi cá nhân. Khi hiểu rõ hơn về phong cách của HS, GV cần tìm hiểu các loại hình PCHT khác nhau; cách đánh giá PCHT của HS và áp dụng một cách linh hoạt các đặc điểm riêng đó vào thiết kế hoạt động học tập phù hợp với chương trình các môn học, qua đó giúp các em tiếp nhận thông tin, kiến thức mới một cách dễ dàng hơn. □

(1) F. Coffield, A. Moseley, E. Hall. **Learning styles and pedagogy in post-16 learning. A systematic and critical review.** Learning and Skills research centre, Institute of Education, University of London. 2004.

Tài liệu tham khảo

1. Hồ Thị Hồng Vân (Chủ nhiệm đề tài V2012-15), “Nghiên cứu một số mô hình phong cách học tập và ứng dụng trong giáo dục trung học phổ thông”. Viện Khoa học giáo dục Việt Nam, 2012.

2. Phạm Quang Tiến. “Bàn về một số phạm trù của công nghệ giáo dục trên thế giới và ở Việt Nam”. Tạp chí *Khoa học xã hội Việt Nam*, số 4/2012

3. S. Cassidy. **Learning Styles: An overview of theories, models, and measures, Educational Psychologist**, Vol. 24, No. 4, Catax Publishing. 2004.

4. Kolb, D.A. **Experiential Learning: Experience as the source of learning and development.** London: Prentice Hall. 1984.

5. F. Romanelli - Eleanora Bird - Melody Ryan. **Learning styles: A Review of Theory, Application, and Best Practices**, American Journal of Pharmaceutical Education, 73 (1), Article 9. 2009.

SUMMARY

Students are growing in different cultural and social environments. They establish differences in habits, thinking methods, aware abilities, and interests, which result in viabilities in learning styles in each class. The study of students' learning styles to apply in teaching process may be suitable with the requirements of student-targeting and individualized teaching. articles contributing to outline the basis of the innovation of teaching methods in schools Vietnam. Articles contributing to outlined the basis of the innovation of teaching methods in schools Vietnam.

Điều tra đánh giá thực trạng...

(Tiếp theo trang 52)

mẫu (nếu được đánh giá tốt nên triển khai cho GV trong tổ vận dụng và có dự giờ); thường xuyên dự giờ dạy của các thành viên trong tổ, dự giờ GV của các trường trong cụm để trao đổi học hỏi kinh nghiệm...

3) Cần sự hợp tác “hai chiều” giữa các trường phổ thông và các trường đại học, cao đẳng sư phạm ở địa phương (trong vùng) để giúp đỡ, chia sẻ nhau trong mọi hoạt động chuyên môn và đào tạo. Sự liên kết, hợp tác này đem lại lợi ích hai chiều: - Các trường sư phạm có thể thường xuyên đưa giáo sinh đến tìm hiểu thực tế ở trường phổ thông, học hỏi và rèn luyện các kĩ năng sư phạm; giảng viên sư phạm cũng có nhiều cơ hội nắm bắt thực tế phổ thông, giúp ích cho quá trình DH đại học; - GV các trường phổ thông có thể trao đổi, học hỏi, nhờ sự trợ giúp của các giảng viên sư phạm ở nhiều mặt: cập nhật kiến thức mới; giúp đỡ thực hiện các hình thức, PPDH mới...

Nhận rõ tầm quan trọng của sự liên kết, cuối năm 2014, Trường Đại học sư phạm - Đại học Đà Nẵng sẽ tổ chức xây dựng các trường THPT “vệ tinh” ở địa bàn Đà Nẵng và Quảng Nam để nâng cao chất lượng đào tạo sinh viên sư phạm, nâng cao chất lượng DH

của giảng viên và trợ giúp GV các trường phổ thông. Đây là hướng tiếp cận mới để thực hiện mục tiêu đào tạo, bồi dưỡng GV sau 2015.

Định hướng đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục phổ thông sẽ tiếp cận theo hướng hình thành và phát triển năng lực người học, chú trọng khả năng vận dụng kiến thức, kĩ năng, thái độ, tình cảm vào giải quyết các tình huống thực tế. Vì vậy, GV nói chung và GV Địa lí nói riêng cần phải thay đổi quan điểm và bồi dưỡng năng lực để có thể thực hiện tốt công tác đổi mới sau 2015. □

Tài liệu tham khảo

1. Bộ GD-ĐT. **Dự thảo Đề án xây dựng, triển khai chương trình và sách giáo khoa giáo dục phổ thông sau 2015**, H. 2014.

2. Bộ GD-ĐT - Dự án Việt - Bỉ. **Dạy và học tích cực: Một số phương pháp và kĩ thuật dạy học**. NXB Đại học sư phạm, H. 2010.

SUMMARY

The basic content of this article is to mention the investigation into the reality of teaching geography in secondary schools. Methods like analysis, evaluation will be used to propose some improving measures. This study could help us to draw specific lessons from the reality of renovation in teaching geography in recent years and then work out effective solutions for renovation after 2015.